

Bản án số 422/2024/HS-PT
Ngày 30 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Trần Việt Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam vụ án hình sự thụ lý số 310/2024/TLPT-HS ngày 21/6/2024 do Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1651/2024/QĐXXPT-HS ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Các bị cáo kháng cáo:

1. bị cáo: **Nguyễn Thị Vũ T**, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1983, tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: **Khối phố A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Nhân viên quán nhậu; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Nguyễn Xuân T1**, sinh năm 1954 và bà **Vũ Thị Tuyết H**, sinh năm 1955; có chồng là **Phạm Thanh D** (đã ly hôn); có 04 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/5/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q** có mặt.

2. bị cáo: **Hồ Thị T2** (tên gọi khác: **H1**), sinh ngày 09 tháng 11 năm 1993, tại **huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**; nơi cư trú: **Thôn P, xã H, quận H, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Nhân viên quán nhậu; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Hồ Quý L** (đã chết) và bà **Trần Thị X**, sinh năm 1953; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 6; có chồng là **Nguyễn Mạnh T3** (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/5/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**, có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo **Phạm Thị C, Phan Thị Ngọc T4, Trần Quang S, Nguyễn Hữu T5, Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Mạnh C1** và **Nguyễn Văn T6** nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thị Vũ T** theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng: Luật sư **Lưu Thị L1, Văn phòng L3**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **B P, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **Hồ Thị T2** theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng: Luật sư **Đỗ Thị L2**, Văn phòng **L4**, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh **Q**; địa chỉ: **A T**, phường **A**, thành phố **T**, tỉnh **Quảng Nam**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 12/05/2023, sau khi nhậu xong tại quán “**Bờ sông Q**”, thuộc xã **H**, thành phố **Đà Nẵng**, **Nguyễn Hữu T5** và **Nguyễn Hoàng A** rủ nhau vào thị xã **Đ** chơi và kiếm ít đồ (tức ma túy) để sử dụng. Sau đó, **T5** gọi điện thoại cho **Nguyễn Thị Vũ T** (nhân viên quán **D3**) rủ đi nhậu thì **T** nói đến quán **Duyên H** tại **Đ**, **Đ** nên **T5** điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 92D1- 085.15, Anh điều khiển xe mô tô đáng Dream, biển kiểm soát 53S7-3618 đến quán **Duyên H2**. Khi đến quán thì **T5** và **A** được bà **Huỳnh Thị H3** (tên gọi khác: **H2** là chủ quán) bố trí vào phòng số 01, đồng thời, bà **H3** yêu cầu **Phạm Thị C** (thường gọi là **X1**, nhân viên của quán) vào phòng số 01 và gọi điện thoại cho **T** đến quán tiếp khách cùng **C**. Khoảng 30 phút sau, **Nguyễn Thị Vũ T** vào phòng và cùng **C** rót bia, nói chuyện, bắt bài hát karaoke phục vụ **T5** và **A**. Sau đó, **T5** nhờ **T** mua giúp **T5** và Anh 01 chỉ ma túy (**K**) và 01 viên ma túy (kẹo), **T** đồng ý rồi gọi điện thoại liên lạc với **Nguyễn Mạnh C1** để hỏi mua 01 chỉ ma túy (**K**) và 01 viên ma túy (kẹo), **C1** đồng ý rồi gọi điện liên lạc với **Nguyễn Văn T6** (bạn **C1**) để mua số lượng ma túy trên. Do có sẵn 01 viên ma túy (kẹo) màu xanh và 01 chỉ ma túy (**K1**) mà trước đây khi đi chơi ở quán **Bar P**, **Đà Nẵng** được một người đàn ông (không rõ lai lịch) cho nên **T6** đồng ý bán với giá 1.500.000 đồng và hẹn **C1** đến ngã ba **Lầu S** (thuộc **Khố phố T**, **Điện N**) giao ma túy. Sau đó, **C1** gọi lại cho **T** báo giá 01 chỉ ma túy (**K1**) và 01 viên ma túy (kẹo) là 1.500.000 đồng, **T** yêu cầu **C1** mang ma túy đến quán **D3**, đồng thời, **T** nói với **T5** và Anh đưa 1.800.000 đồng (trong đó, tiền mua ma túy là 1.500.000 đồng và tiền công phục vụ rót bia, chọn bài hát là 300.000 đồng). Lúc này, **T5** bảo **A** đưa tiền cho **T** nên **A** đưa cho **T** số tiền 2.000.000 đồng, nhưng **T** trả lại Anh 200.000 đồng. Khoảng 20 phút sau, **C1** đến quán **D1 H2** đưa cho **T** 01 vỏ gói thuốc con ngựa bên trong chứa 01 túi ma túy (**K1**) và 01 viên ma túy (kẹo) màu xanh. **T** đưa cho **C1** 1.600.000 đồng (trong đó, tiền mua ma túy 1.500.000 đồng và 100.000 đồng **T** cho **C1** uống cà phê). Trưa ngày 13/5/2023, **C1** gặp **T6** tại nhà nghỉ **Q** (gần cầu **T**) để trả tiền ma túy cho **T6** thì **T6** cho lại **C1** 200.000 đồng, **T6** chỉ lấy 1.300.000 đồng.

Sau khi mua được ma túy giúp **T5** thì **T** đem ma túy vào để trên bàn trước mặt **T5** và **A** đang ngồi, thấy vậy, **C** xuống bếp lấy 01 cái đĩa sứ nhỏ màu trắng (lòng đĩa màu xanh) mang vào phòng và lấy trong ví của **C** ra 01 cái thẻ nhựa gắn sim điện thoại Mobifone màu xanh (không còn sim), Anh đưa cho **C** 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng, **C** lấy 02 điều thuốc lá hiệu White Horse, vứt bỏ phần thân thuốc chỉ lấy 02 vỏ đầu lọc để quán trả tiền Polyme thành ống hút. Sau khi **C** làm xong ống hút thì **C** dùng bật lửa có sẵn trên bàn hơ nóng đĩa sứ rồi để lại trên bàn, lúc này, **T** lấy gói ma túy (khay) đổ hết ra đĩa đã được **C** hơ nóng rồi dùng thẻ nhựa gắn sim

điện thoại nghiền nát ma túy (khay) và chia ma túy thành nhiều đường nhỏ để cho T5 và A sử dụng (bằng cách hít). Còn 01 viên ma túy (kẹo) thì T đưa cho T5, T5 bẻ viên ma túy làm 03 phần rồi T5 bỏ vào miệng T 01 phần (nhưng T lên nhả ra và vứt không sử dụng), 01 phần T5 đưa cho A, 01 phần còn lại sử dụng (bằng cách nuốt), T và C không sử dụng ma túy cùng T5 và A.

Do phòng số 01 sát đường nên ồn ào vì vậy bà H3 yêu cầu T nói với khách trong phòng đổi sang phòng số 2 cho đỡ ồn thì T5 và A đồng ý, sau đó C cầm cái đĩa sứ vẫn còn chứa ma túy, còn T dọn bia, thức ăn rồi cùng T5 và A chuyển qua phòng số 02 tiếp tục sử dụng ma túy. Đến khoảng 00 giờ ngày 13/5/2023, C yêu cầu T5 và Anh trả tiền phục vụ (bo) để đi về trước, lúc này, C dọn dẹp phòng và mang đĩa sứ đã sử dụng hết ma túy (khay) và thẻ nhựa gắn sim điện thoại M xuống để ở dưới bếp, còn ống hút được quán bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng thì C tháo ra, phui hết bột ma túy bám dính trên tờ tiền xuống nền nhà và cất tờ tiền vào túi. T yêu cầu T5 tính tiền cho quán rồi nghỉ thì T5 đồng ý, T đi ra ngoài gặp bà H3 chủ quán để tính tiền, bà H3 tính tổng cộng là 2.330.000 đồng, T đem phiếu vào bảo Thám trả tiền, nhưng do không đủ tiền nên T5 nói để chuyên khoản nhưng không bấm được điện thoại nên T5 và A nằm ngủ luôn tại phòng số 2.

* Trong lúc nhóm của T5, A, T, C sử dụng ma túy trong phòng thì ngoài quán bà Huỳnh Thị H3 (chủ quán), Trần Quang S (là người yêu bà H3, sống chung với bà H3 tại quán), Hồ Thị T2 (là nhân viên quán) và một người tên D2 (bạn của H3) ngồi nhậu. Đến khoảng 00 giờ ngày 12/05/2023 thì nghỉ nhậu, D2 ra về, một lúc sau, H3 rủ T2 sử dụng ma túy thì T2 đồng ý, một lúc sau T2 thấy bà H3 có nói chuyện gì đó với S, nội dung cuộc nói chuyện như thế nào thì T2 không rõ, sau đó T2 đi vào phòng thay đồ rồi đi ra dọn dẹp quán. Khi T2 đang đứng tại chiếc văng đặt trước cửa phòng ngủ của S thì T2 nhìn thấy bà H3 đứng tại tủ tính tiền, lấy thuốc lắc trong túi ni lông ra bỏ vào miệng rồi cầm chai nước suối lên uống. Sau đó bà H3 gọi T2 lại và đưa cho T2 1/2 (nửa) viên ma túy (loại thuốc lắc), T2 bỏ vào miệng rồi cầm chai nước suối uống. Lúc này Trần Quang S ngồi trên yên xe máy đang dựng cạnh bàn thờ ông địa, đối diện vị trí bà H3 và T2 đứng khoảng 03 mét - 04 mét nhìn thấy T2 và H3 sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy do bà H3 cho thì T2 vào phòng nghỉ của nhân viên phía sau bàn thờ ông địa (phòng số 01 bên phải) thấy Phan Thị Ngọc T4 (là nhân viên quán) đang nằm trong phòng, trước đó, T4 cũng được bà H3 cho T4 sử dụng 1/2 (nửa) viên ma túy (thuốc lắc) màu hồng (bằng cách uống). Khi T4 và T2 nằm trong phòng thì Trần Quang S đi đến mở cửa phòng, đứng trước cửa phòng vứt vào trong phòng cho T2 và T4 một túi ni lông (dạng túi zip, trên miệng túi có viền màu đỏ), bên trong chứa ma túy, dạng bột, màu trắng, lúc này T4 nằm bên cạnh T2 nên nhìn thấy rõ S vứt gói ma túy vào phòng. Biết S đưa ma túy cho mình nên T2 đi lại nhặt gói ma túy cầm trên tay rồi đi xuống bếp lấy một đĩa sứ, màu trắng với mục đích là soạn ma túy ra để sử dụng. Khi T2 bưng đĩa ma túy đi ra thì gặp Phạm Thị C (nhân viên quán) nên T2 nhờ C nghiền nát ma túy giúp thì C đồng ý. Cam đi xuống bếp lấy lại cái thẻ nhựa gắn sim điện thoại Mobifone mà C đã cất trước đó nghiền ma túy giúp T2, lúc C nghiền ma túy thấy ma túy này không giống với loại ma túy mà T5 và A sử dụng trước đó vì mịn hơn như bột mỳ, màu đục hơn và có mùi nồng như mùi thuốc rầy nên C nói với T2 là

“đồ chi ghê ri, chơi ít thôi” và C lấy trong túi tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng đưa cho T2, T2 cầm tờ tiền quán thành ông hút để sử dụng ma túy, sau đó, T2 rủ C ở lại sử dụng ma túy, nhưng C từ chối và ra về.

* Trong lúc T5, A, T còn ở trong phòng số 02 thì T4, T2 và H3 cũng vào phòng số 02, lúc này, T2 cầm đĩa sứ có chứa ma túy đã được C nghiền sẵn cùng với dụng cụ sử dụng ma túy thẻ gắn sim điện thoại và ông hút được quán bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng để trên bàn thì T4 cầm đĩa sứ có chứa ma túy lên rồi kẻ thành nhiều đường, nhưng do kẻ đường bị to nên T4 nhờ T kẻ giúp. T đồng ý rồi kẻ ma túy thành nhiều đường nhỏ giúp T4, T4 cầm đĩa ma túy được T kẻ đường sẵn đưa cho bà H3 hít 01 đường, T2 hít 01 đường, Thư hít 01 đường, riêng T không sử dụng mà đi về. Sau khi T2, H3 và T4 sử dụng ma túy hết lượt thứ nhất thì T4 tiếp tục kẻ ma túy thành 04 đường, lần lượt đưa cho bà H3 hít 1,5 đường, T2 hít 0,5 đường, Thám hít 01 đường và T4 hít 0,5 đường, sử dụng xong lượt thứ hai những người này do “phê” ma túy nằm gục trên ghế. Đến khoảng 03 - 04 giờ sáng ngày 13/5/2023, T5 tỉnh dậy thì thấy mọi người đang ngủ, gồm: Anh ngồi gục trên dây ghế ở giữa, góc tường bên phải (theo hướng ngồi), tiếp theo là T2 đang quỳ dưới đất, nửa người nằm trên ghế, đến bà H3 ngồi ngửa người dựa vào ghế, rồi đến T4. Lúc này T4 ngồi dậy đi ra khỏi phòng và gọi S vào, T4 và S khiêng bà H3 sang nằm dây ghế bên cạnh Thám, T4 tiếp tục qua kéo T2 ngồi dựa lên ghế, sau đó, S đi về phòng ngủ lại. Lúc này, T5 nhìn thấy ma túy còn trên đĩa nên có hỏi T4 là “chơi” (nghĩa là sử dụng ma túy) nữa không thì T4 gật đầu đồng ý. Do không tìm thấy ông hút nên T5 lấy ra một tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng cuộn lại thành ông hút và tự hít ma túy trên đĩa rồi nằm xuống ghế ngủ, còn T4 không sử dụng mà qua phòng khác bên cạnh ngủ.

Đến khoảng 05 giờ ngày 13/5/2023, S vào phòng thì thấy H3, T2 nằm bất động, S yêu cầu T4 “dọn phòng đi” nên T4 đã dọn vỏ lon bia, ly uống nước trên bàn, T5 thấy đĩa trên bàn còn nhiều bột trắng (ma túy) và tờ tiền 1.000 đồng rồi mang ra khỏi phòng, T4 đi sau bảo T5 “đổ đi”, T5 mang đĩa đi rửa sạch ma túy rồi để trên kệ để ly, còn tờ tiền Thám xả nước trôi xuống cống rồi cùng Anh ra về. Trong lúc T4 đang quét dọn phòng, thì S nói với T4 “đừng có nói chi hết”, T4 hiểu là không nói với ai việc sử dụng ma túy tại quán và việc S đưa ma túy cho T2 để mọi người cùng sử dụng. Sau đó, mọi người gọi xe đưa bà H3 đi cấp cứu nhưng khi ra xe, Bác sỹ nói bà H3 đã chết nên yêu cầu người nhà đưa vào lại, còn xe cấp cứu chở T2 đi đến Bệnh viện.

* Ngoài ra, Hồ Thị T2 và Phan Thị Ngọc T4 còn khai: cách ngày bị bắt khoảng 20 ngày, T2 và T4 góp mỗi người 1.500.000 đồng và T2 đưa 3.000.000 đồng cho bà H3 để mua giúp 01 gói ma túy (K) và 02 viên ma túy (kẹo) để H3, T2 và T4 cùng sử dụng tại phòng số 02. Một lúc sau, T2 thấy S cầm 01 đĩa sứ bên trong chứa 01 gói ma túy (K1) đã “xào” và chia ra thành nhiều đường và 02 viên ma túy (kẹo); 01 thẻ nhựa màu xanh, 01 ống hút nhựa, S để xuống bàn rồi đi ra ngoài, T2, T4 và H3 lần lượt sử dụng. Trong khi Trần Quang S khai: cách ngày bị bắt khoảng 20 ngày, bà H3 có nhờ S gọi điện thoại cho 01 nam thanh niên (không rõ tên) mua giúp 02 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy khay và yêu cầu người này mang đến quán cho H3. S không nhớ số điện thoại (vì bà H3 dùng máy điện thoại của H3 bấm số đưa

cho S gọi), S không hưởng lợi gì và S không đưa ma túy cho T2 và T4 như T2 khai. Tuy nhiên ngày 06/12/2023, khi đối chất với T2 thì S thay đổi khai là bà H3 trong lúc làm môi nhậu cho khách có đưa điện thoại cho S để gọi một người đàn ông mang “đồ” đến cho H3, nhưng S không biết là “đồ” gì, S không mang ma túy lên phòng số 02 cho T2, T4, H3 sử dụng như T2 đã khai.

* Ngày 14/5/2023 và ngày 16/6/2023 Nguyễn Mạnh C1 và Nguyễn Văn T6 đến Công an thị xã Đ đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình.

* Tets nhanh thử nước tiểu Phan Thị Ngọc T4, Nguyễn Hữu T5, Nguyễn Hoàng A (dương tính ma túy Methamphetamine, MDMA, M1), Trần Quang S (dương tính ma túy loại MDMA); Phạm Thị C và Nguyễn Thị Vũ T (âm tính với ma túy).

* Cơ quan điều tra qua khám nghiệm hiện trường đã thu giữ được:

- 01 thẻ nhựa dùng để đựng sim màu xanh, bên trên có chữ Mobifone 4G;
- 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng được quấn tròn trong đó 01 đầu được bọc bằng vỏ đầu ngậm thuốc lá có màu nâu;

Mở rộng kiểm tra tại quán D3, tại phòng ngủ trên gác lửng phát hiện 02 viên nén màu xanh đựng trong túi nilong trong suốt tại gần vị trí cửa ra vào.

* Kết luận giám định số 937/KL-KTHS ngày 19/5/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Chất bột màu trắng bám dính trên thẻ nhựa, trên tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng đều là ma túy loại Heroine, chất bột màu trắng bám dính quá nhỏ nên không xác định được khối lượng.

- 02 viên nén màu xanh, hình tam giác gửi giám định đều không tìm thấy chất ma túy, khối lượng 0,29gam.

* Kết luận giám định số 932/KL-KTHS ngày 19/5/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Tìm thấy chất Morphine, 6-monoacetylmorphine (6-MAM) là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine trong mẫu máu ghi thu của Huỳnh Thị H3.

* Kết luận giám định tử thi số 128/KLGĐTT-KTHS(PY) ngày 21/5/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Q kết luận: bà Huỳnh Thị H3 chết do sốc chất ma túy (ngộ độc) gây suy hô hấp - tuần hoàn cấp không hồi phục.

* Kết luận giám định số 936/KL-KTHS ngày 19/5/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Tìm thấy chất Morphine, 6-monoacetylmorphine (6-MAM) là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Hồ Thị T2, Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hữu T5 và Phan Thị Ngọc T4. Không tìm thấy các chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của các chất ma túy trong các mẫu nước tiểu ghi thu của Trần Quang S, Nguyễn Thị Vũ T và Phạm Thị C.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 13/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:**

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Vũ T 13 (mười ba) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2023.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255; các điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017), xử phạt bị cáo Hồ Thị T2 13 (mười ba) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2023.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị C, Phan Thị Ngọc T4, Trần Quang S, Nguyễn Hữu T5 và Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Mạnh C1 và Nguyễn Văn T6, quyết định về xử lý vật chứng, án phí

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị Vũ T kháng cáo cho rằng mức hình phạt là quá nặng vì bị cáo không phải là người chủ mưu trong việc tổ chức sử dụng ma túy, bị cáo bị nhiễm HIV là mẹ đơn thân phải nuôi 4 con, con lớn nhất đang học đại học, con nhỏ nhất sinh năm 2017 đang học mẫu giáo hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn nên phải đi làm kiếm tiền nuôi con, bị cáo không nghiện ma túy.

- Bị cáo Hồ Thị T2 kháng cáo cho rằng mức hình phạt là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Vũ T, Hồ Thị T2 giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của cả hai bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Vũ T thấy:

[1] Về hành vi phạm tội, tội danh, khung hình phạt: Tại phòng số 01 quán D3, bị cáo Nguyễn Thị Vũ T là người trực tiếp liên lạc với Nguyễn Mạnh C1 để mua giúp cho Nguyễn Hữu T5 và Nguyễn Hoàng A 01 viên ma túy (kẹo) màu xanh và 01 gói ma túy (khay) để T5 và A sử dụng. Sau khi mua được ma túy thì T lấy gói ma túy (khay) đổ hết ra đĩa, còn viên ma túy kẹo thì T đưa cho T5. Tiếp đó, T dùng thẻ nhựa gắn sim điện thoại Mobifone do Phạm Thị C cung cấp, nghiền nát ma túy (khay) và chia thành nhiều đường để T5 và A sử dụng (“hít”), T và C không sử dụng ma túy. Tại phòng số 02, khi Hồ Thị T2 mang đĩa sứ có chứa ma túy đã được nghiền sẵn (nguồn gốc ma túy do Trần Quang S đưa cho T2) cùng với dụng cụ sử dụng ma túy (thẻ nhựa gắn sim điện thoại và ống hít được quán bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng) vào phòng số 02, thì T dùng thẻ sim điện thoại kẻ ma túy thành nhiều đường trên đĩa để cho Huỳnh Thị H3 (chủ quán), T2, T4, T5 cùng sử dụng dẫn đến việc H3 chết do sốc chất ma túy Heroine. Do T có hành vi trực tiếp liên lạc mua ma túy đem về quán, chuẩn bị dụng cụ cho nhiều người sử dụng ma túy, hậu quả gây chết người nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Nguyễn Thị Vũ T phạm vào “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 3

Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng tội danh, đúng khung hình phạt.

[2] Về hình phạt thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo **T** thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo **T6** và **C1**, bị cáo **T** mắc bệnh hiểm nghèo (nhiễm HIV) nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo **T** là có căn cứ, đúng pháp luật. Hình phạt đối với “*Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 là từ 15 năm đến 20 năm tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **T** 13 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo **T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T** giữ nguyên bản án sơ thẩm, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **Hồ Thị T2**, thấy:*

[3] Về hành vi phạm tội, tội danh, khung hình phạt: **Hồ Thị T2** là người nhận gói ma túy Heroine từ **Trần Quang S**, sau đó **T2** mang ma túy, chuẩn bị dụng cụ sử dụng (đĩa sứ, ống hút được quấn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng, thẻ nhựa gắn sim điện thoại do **C** đưa cho **T**) để **T2** cùng **H3**, **T4** và **T5** sử dụng ma túy tại phòng số 02 dẫn đến bà **Huỳnh Thị H3** chết do sốc chất ma túy Heroine. Xét, bị cáo **T2** có hành vi nhận ma túy từ **S**, rồi chuẩn bị dụng cụ cho nhiều người sử dụng ma túy gây hậu quả chết người nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố **Hồ Thị Trang** phạm vào “*Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng tội danh, đúng khung hình phạt.

[4] Về hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: **T2** ngoài việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 12/5/2023 thì trước đó khoảng 20 ngày **Hồ Thị T2**, **Phan Thị Ngọc T4** góp tiền đưa cho bà **H3** để mua ma túy sử dụng và **Trần Quang S** là người cung cấp ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy để bà **H3**, **T2** và **T4** sử dụng; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với **Hồ Thị T2** là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo **T2** thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo **S**, ngoài ra **T2** còn tự thú khai nhận trước đó **T2** góp tiền mua ma túy để cùng **T4** và bà **H3** sử dụng; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hình phạt về “*Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 là từ 15 năm tù đến 20 năm tù, Tòa án cấp sơ

thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo T2 được hưởng quy định tại các điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên xử phạt bị cáo T2 13 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T2 giữ nguyên bản án sơ thẩm, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Vũ T và bị cáo Hồ Thị T2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với hai bị cáo như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Vũ T 13 (mười ba) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2023.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255; các điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Hồ Thị T2 13 (mười ba) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2023.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nguyễn Thị Vũ T, Hồ Thị T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Hai bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân

